TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 71/2025/QĐST-HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

-*Nguyên đơn*: chị **Hồ Thị L**, sinh năm 1989; nơi ĐKNKTT: Số nhà I, ngách A, ngõ E, đường L, K, phường T, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

-*Bị đơn*: anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989; nơi ĐKNKTT: Số nhà I, ngách A, ngõ E, đường L, K, phường T, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83; 107; 110; 116; 117 Luật HN&GĐ

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Hồ Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: chị L và anh T xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thế Minh L1, sinh ngày 18/8/2011 và cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 18/5/2016. Chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T, để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, cháu T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thị Huyền T1 mỗi tháng 5.000.000 đồng cho chị L kể từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung theo

quy định của pháp luật. Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung; công sức; công nợ: chị L, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị L, anh T mỗi người phải chịu 75.000đ (bẩy mươi lăm nghìn đồng)

- Án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung: anh T phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

Chấp nhận sự tự thỏa thuận của chị L và anh T, để chị L nộp toàn bộ khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con của anh T, tổng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị L được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 00002049 ngày 22/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 6 – Ninh Bình
- THADS tỉnh Ninh Bình
- UBND phường Q.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Tươi